

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 12 - 2022

V/v: Ly hôn giữa anh Đ và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải Anh

Bà Phạm Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt, kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Dương Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Đại A, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đại A, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Dương Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã A, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 08/07/2015. Vợ chồng chung sống được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quán điểm, tính cách không hòa hợp và bản thân anh cũng không tu chí làm ăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh và chị T đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, đề nghị xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Đỗ Nguyệt L, sinh ngày 19/10/2015 và Đỗ Gia P, sinh ngày 05/03/2018. Hiện nay 02 con chung đang do chị T nuôi dưỡng. Sau ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyệt L, nhất trí để cho chị T nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia P và không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ điều 51, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Dương Đ, xử ly hôn giữa anh Đỗ Dương Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho anh Đỗ Dương Đ được trực tiếp nuôi cháu là Đỗ Nguyệt L, sinh ngày 19/10/2015. Chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia P, sinh ngày 05/03/2018. Anh Đ và chị T không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

3. Về án phí DSST: Anh Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ và chị T.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Đỗ Dương Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 7/2015 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ và chị T bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp và anh Đ không tu chí làm ăn. Anh Đ và chị T đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa anh Đ và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên

yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung chưa thành niên*: Anh Đ và chị T có 02 con chung là Đỗ Nguyệt L, sinh ngày 19/10/2015 và Đỗ Gia P, sinh ngày 05/03/2018, hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng. Trên cơ sở nguyện vọng của cháu L, hiện tại cháu P còn nhỏ cần được chăm sóc của người mẹ nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyệt L, chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia P. Anh Đ, chị T không bên nào phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung cho bên nào là phù hợp với quy định của Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Đ phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đỗ Dương Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung chưa thành niên: Anh Đỗ Dương Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyệt Lam, sinh ngày 19/10/2015. Chị Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia P, sinh ngày 05/03/2018. Anh Đ và chị T không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị T có trách nhiệm giao con chung là cháu Đỗ Nguyệt L cho anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Anh Đỗ Dương Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai số 0004735 ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Dương Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã A;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh